**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT**

**TRANH CHẤP HỢP ĐÔNG TÍN DỤNG**

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.1.2.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng

Cùng với sự tồn tại và phát triển của HĐTD là những tranh chấp trong HĐTD phát sinh từ sự mâu thuẫn hay không thống nhất về quyền và nghĩa vụ hoặc lợi ích trong quá trình thực hiện HĐTD của các bên tham gia. Trên thực tế, không phải bất cứ hành vi vi phạm HĐTD nào cũng đều xảy ra tranh chấp. Có trường hợp có hành vi vi phạm nhưng không có tranh chấp bởi vì giữa các bên chủ thể của HĐTD không thể hiện tranh chấp đó bằng các hành vi phản kháng cụ thể. Do đó, một HĐTD chỉ được coi là có tranh chấp khi sự xung đột, bất đồng về quyền lợi giữa các bên đã được thể hiện ra bên ngoài thông qua những bằng chứng cụ thể và xác định được .[ 13 Tr.175]

Tranh chấp hợp đồng khác biệt với vi phạm hợp đồng. Vi phạm hợp đồng là hành vi pháp lý của các bên đã xử sự trái với các điều khoản được cam ết trong hợp đồng. Còn tranh chấp hợp đồng là ý kiến không thống nhất của các bên về hành vi vi phạm đó hoặc cách thức giải quyết hậu quả phát sinh từ sự vi phạm đó và được thể hiện ra bên ngoài. Cho nên, không phải cứ khi nào vi phạm hợp đồng thì khi đó có tranh chấp mà đôi khi sự vi phạm hợp đồng diễn ra trước và tranh chấp hợp đồng lại là sự kiện diễn ra sau đó một khoảng thời gian nhất định. Và đôi khi có sự vi phạm hợp đồng tín dụng nhưng không thể có sự tranh chấp bởi các bên không bày tỏ ra bên ngoài về sự bất đồng hay xung đột lợi ích giữa họ với nhau bằng các hành vi phản kháng cụ thể có giá trị chứng cứ.[14. Tr 13]

Như vậy, có thể hiểu khái quát, tranh chấp HĐTD là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong HĐTD giữa bên cho vay (TCTD) và bên vay (khách hàng). Đó là những tranh chấp về vi phạm nghĩa vụ thanh tóan, việc cấp tín dụng, việc xử lý tài sản trong trường hợp bên vay không trả nợ cho bên cho vay, hay tranh chấp tính hiệu lực của hợp đồng thế chấp.…

Thực tiễn cho thấy tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng là rất đa dạng và phức tạp. Tuy nhiên, thường tranh chấp phát sinh từ HĐTD có hai loại:

Thứ nhất, tranh chấp HĐTD là tranh chấp về hợp đồng dân sự khi bên vay vốn là cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức không có mục đích lợi nhuận và không có đăng ký kinh doanh.

Thứ hai, tranh chấp HĐTD là tranh chấp kinh doanh thương mại khi bên vay vốn là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

Xét về phương diện lý thuyết, có thể phân loại tranh chấp phát sinh từ HĐTD theo các tiêu chí cơ bản sau đây:

Tranh chấp do các bên vi phạm nghĩa vụ trong HĐTD

Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng.

Tranh chấp xảy ra từ việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với HĐTD có bảo đảm bằng tài sản và xử lý tài sản bảo đảm.

Tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD.

Trong nền kinh tế thị trường, do nhu cầu vốn để phát triển kinh tế là rất lớn nên tranh chấp phát sinh từ HĐTD cũng có xu hướng ngày càng tăng, đa dạng về chủng loại và phức tạp về tính chất, mức độ của quan hệ tranh chấp. Chính vì thế, việc tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hết sức cần thiết để từ đó đánh giá và đưa ra những giải pháp, chính sách phù hợp nhất nhằm hạn chế tranh chấp, từ đó giảm chi phí giao dịch cho các bên liên quan đến hợp đồng tín dụng.

1.1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng

Vì tranh chấp HĐTD cũng là một loại tranh chấp hợp đồng nói chung, do đó có đầy đủ những đặc điểm vốn có của một tranh chấp hợp đồng. Tuy nhiên với bản chất đặc thù của HĐTD, tranh chấp HĐTD mang một số đặc trưng riêng biệt để có thể phân biệt với các loại tranh chấp hợp đồng khác. Có thể khai quát các đặc điểm của tranh chấp HĐTD như sau:

Thứ nhất, giá trị của tranh chấp HĐTD thường có giá trị lớn hoặc thậm chí là rất lớn: Khi kí kết HĐTD thì thường là do bên đi vay có nhu cầu về vốn mà không thể tự mình xoay xở được. Nhu cầu đó thường là để bổ sung vốn kinh doanh đối với tổ chức hoặc vay để phát triển kinh tế đối với cá nhân, hộ gia đình. Do đó, số tiền này không phải là nhỏ và dễ dàng vay được từ các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội mà không phải là tổ chức tín dụng

Để mở rộng thị trường và sinh lời nhiều hơn thì việc dùng lợi nhuận và vốn kinh doanh đối với tổ chức hoặc vay để phát triển kinh tế đối với cá nhân, hộ gia đình không đủ dẫn đến việc bên đi vay có nhu cầu về vốn mà không tự mình xoay xở được. khi không có khả năng trả nợ sẽ làm giá trị của tranh chấp hợp đồng tín dụng thường có giá trị lớn hoặc thậm chí là rất lớn. Để đạt được lợi nhuận cao thì các TCTD thường kí kết các hợp đồng tín dụng có giá trị lớn dựa trên định giá tài sản đảm bảo tại thời điểm cho vay. Thực tế không hiếm các trường hợp các TCTD lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả do “nợ xấu”. Một khi khách hàng vay không thể thanh toán được nợ, tranh chấp xảy ra thì TCTD sẽ là chủ thể bị thiệt hại lớn vì nguồn vốn bị ứ đọng, phải thực hiện các biện pháp khắc phục, mục đích lợi nhuận ban đầu không còn hoặc bị gián đoạn. Đặc biệt, nếu tranh chấp hợp đồng tín dụng phải khởi kiện tại Tòa án thì càng gây khó khăn cho TCTD khi muốn thu hồi vốn và mất lòng tin với khả năng vay vốn, khó thực hiện các HĐTD tiếp theo.

Thứ hai, tranh chấp HĐTD được giải quyết dựa trên nguyên tắc tự do thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật của các bên tham gia tranh chấp

Bản chất hợp HĐTD là hợp đồng dân sự lúc đó thỏa thuận giữa các bên mang tính thỏa thuận, tự định đoạt kể cả đối với việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD thì các bên cũng có quyền thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên để đạt được lợi ích chung của hai bên, không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp các bên trong trường hợp có tranh chấp xảy ra. Việc tôn trọng quyền định đoạt này có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì quan hệ dân sự giữa các bên mang tính bình đẳng, không phải là mối quan hệ mệnh lệnh – phục tùng như các quan hệ hành chính nhà nước khác. Khi các bên tham gia tranh chấp có thể thỏa thuận được với nhau thì việc giải quyết tranh chấp sẽ diễn ra nhanh chóng, thuận lợi hơn, đồng thời giảm thiểu được thiệt hại về thời gian, tiền bạc, công sức của các bên. Về phía các cơ quan tài phán, thi hành ám thì việc thỏa thuận này cũng có ý nghĩa trong việc giảm nhẹ khối lượng, áp lưc công việc trong điều kiện các tranh chấp ngày càng xảy ra nhiều và phức tập như hiện nay.

Nguyên tắc tự do thỏa thuận khi giải quyết tranh chấp giữa các bên cũng được Bộ Luật tố tụng dân sự thể hiện ở chế định hòa giải. Theo đó, hòa giải là trách nhiệm của cơ quan tài phán khi có tranh chấp xảy ra và khi đó các bên có thể thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Ngay cả trước khi diễn ra hoặc tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bên vẫn có quyền thỏa thuận về việ giải quyết tranh chấp miễn sao thỏa thuận đó phù hợp với quy định của pháp luật.

Thứ ba, tranh chấp HĐTD luôn có sự tham gia của một bên là TCTD và phần lớn các tranh chấp HĐTD thì nguyên đơn là TCTD cho vay, bị đơn là bên vay: Trong mối quan hệ HĐTD, các nghĩa vụ chính của bên đi vay thường phát sinh sau thời điểm giải ngân. Trong khi đó, tại thời điểm hoàn tất việc giải ngân cho khách hàng thì TCTD đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình. Các nghĩa vụ khác của bên cho vay như bảo mật thông tin, lưu trữ hồ sơ tín dụng, nghĩa vụ thông báo, bảo quản tài sản bảo đảm, giải chấp tài sản đảm bảo... là ít quan trọng và là nghĩa vụ phát sinh từ quyền của bên vay. Do đó, nếu có tranh chấp xảy ra thì thường là do bên vay vi phạm nghĩa vụ của mình, rất hiếm gặp trường hợp bên đi vay khởi kiện TCTD

Thứ tư, đa phần các tranh chấp liên quan đến HĐTD chính là các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn, lãi của bên vay cho TCTD, về mức lãi suất vay, về vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong HĐTD: Có rất nhiều loại tranh chấp phát sinh từ HĐTD như: tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện HĐTD, tranh chấp liên quan đến bảo lãnh vay vốn, tranh chấp liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay... Tuy nhiên, tranh chấp xảy ra nhiều nhất là tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi, về mức lãi suất vay, về vấn đề bảo đảm. Sở dĩ như vậy là bởi vì những nghĩa vụ này chính là những nghĩa vụ chính nhất, đóng vai trò nòng cốt trong quá trình thực hiện HĐTD của các bên và việc thực hiện này có tác động trực tiếp đến quyền lợi của TCTD. Các tranh chấp khác cũng có tác động đến các TCTD nhưng không phải là cơ bản nên ít xảy ra hơn so với tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả vốn và lãi hay tranh chấp về lãi suất, về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Thứ năm, tranh chấp HĐTD thường là tiền đề làm phát sinh và gắn liền với một quan hệ hợp đồng khác: hợp đồng bảo đảm tiền vay thông qua hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba: Các TCTD khi tham gia vào HĐTD đều có mục đích lợi nhuận. Từ việc cho vay đó, để giảm thiểu rủi ro trong trường hợp bên vay không trả được nợ, thông thường TCTD chỉ đồng ý cho bên đi vay được vay vốn khi họ có cầm cố, thế chấp bằng tài sản hoặc có bảo lãnh của bên thứ ba. Các biện pháp bảo đảm này đóng vai trò là phương pháp dự phòng của TCTD khi rủi ro xảy ra. Khi đó, để đảm bảo cho nghĩa vụ được thanh toán trong HĐTD thì các bên kí kết hợp đồng bảo đảm cho khoản vay. Tùy trường hợp mà đó có thể là hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hay là dưới hình thức chứng thư bảo lãnh của bên thứ ba. Những điều khoản về quyền và nghĩa vụ trong các hợp đồng bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn là để bảo đảm cho việc vay vốn, xuất phát từ hợp đồng tín dụng đã được kí kết và mục đích cuối cùng là bảo đảm cho việc trả nợ của bên đi vay khi gặp rủi ro về nghĩa vụ thanh toán

Thứ sáu, Tranh chấp HĐTD phát sinh từ sự xung đột về lợi ích giữa các bên tham gia tranh chấp. Phạm vi phát sinh tranh chấp là các quyền, nghĩa vụ của các bên phát sinh từ HĐTD. Các quyền, nghĩa vụ này được thể hiện thông qua các điều khoản cụ thể của HĐTD do các bên thỏa thuận mà có. Suy cho cùng, dù nội dung tranh chấp có thể rất khác nhau nhưng mọi tranh chấp phát sinh từ HĐTD giữa bên cho vay và bên vay cũng đều là tranh chấp liên quan đến quyền, nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

1.2. Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.2.1. Khái niệm về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Trong quá trình tiến hành hợp động tín dụng, các bên tham gia, khó tránh khỏi những mâu thuẫn, bất đồng về quyền và nghĩa vụ trong những quan hệ cụ thể. Khi có tranh chấp xảy ra, để đảm bảo quyền lợi của mình các bên đều muốn giải quyết tranh chấp nhanh chóng, thuận lợi, có hiệu quả và không ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh của mình. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có những quy định cụ thể về điều kiện của HĐTD có tác dụng định hướng cho sự lựa chọn các thỏa thuận trong việc ký kết hợp đồng tín dụng

Ta có thể hiểu, giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD là hành vi pháp lý theo đó các bên tranh chấp cùng nhau thương lượng để đạt được thỏa thuận về biện pháp khắc phục mâu thuẫn, xung đột, bất đồng trong quan hệ HĐTD; hoặc thông qua bên thứ ba để tiến hành các biện pháp nhằm giải quyết mẫu thuẫn, xung đột, bất đồng giữa các bên trong quan hệ HĐTD trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD, mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong tranh chấp HĐTD.

Giống như các phương thức giải quyết tranh chấp khác, pháp luật hiện hành công nhận các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cụ thể như:

- Thương lượng giữa các bên.

- Hoà giải giữa các bên do một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận chọn làm trung gian hoà giải.(Nghị định 22/2017/NĐ-CP)

- Giải quyết tại Trọng tài căn cứ Luật Trọng tài Thương mại 2010

- Toà án căn cứ BLTTDS 2015

Để đảm bảo phát triển và duy trì sự phát triển, vấn đề lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được các bên cân nhắc, lựa chọn phù hợp dựa trên các yếu tố như mục tiêu đạt được, bản chất của tranh chấp, mối quan hệ làm ăn giữa các bên, thời gian và chi phí dành cho việc giải quyết tranh chấp

Tòa án nhân danh quyền lực Nhà nước để đưa ra phán quyết buộc bên có nghĩa vụ phải thi hành, kể cả bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước dựa trên cơ sở Pháp luật đã quy định về lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng như: BLDS, luật các TCTD, luật thương mại, luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam… Do đó, các đương sụ thường tìm đến sự trợ giúp của Tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ có hiệu quả các quyền, lợi ích của mình khi họ thất bại trong việc sử dụng cơ chế thương lượng hoặc hòa giải và cũng không muốn đưa vụ việc tranh chấp của họ để giải quyết bằng trọng tài thương mại 1.2.2. Nội dung của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.2.2.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng

Theo quy định của BLTTDS 2015 thì pháp luật đòi hỏi các bên tham gia giải quyết tranh chấp tại Tòa án phải tuân thủ một số nguyên tắc. Như vậy khi giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD cũng đòi hỏi các bên tham gia tuân thủ các nguyên tắc đó, cụ thể là:

Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng quyết quyết định và tự định đoạt của các đương sự (Điều 5, BLTTDS 2015) Khi tranh chấp xảy ra, các bên tranh chấp có quyền tự quyết định việc khởi kiện,chủ động đề xuất các yêu cầu, phạm vi mức độ quyền và lợi ích được bảo vệ. Thậm chí, ngay khi đưa vụ án tranh chấp ra giải quyết các bên tranh chấp có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện,không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Thứ hai, nguyên tắc các đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh (Điều 6 BLTTDS 2015): Khi yêu cầu Tòa án giải quyết thì đương sự phải chứng minh được các yêu cầu và căn cứ của mình là hợp pháp. Tòa án không bị bắt buộc thu thập, xác minh chứng cứ mà chỉ xác minh, thu thập chứng cứ trong trường hợp do BLTTDS quy định. Nguyên tắc này tạo cơ sở giải quyết nhanh chóng các vụ án tranh chấp và nâng cao trách nhiệm chứng minh của các đương sự để bảo vệ lợi ích của mình.

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự (Điều 8 BLTTDS 2015) Đây là nguyên tắc thể hiện quyền con người trong Hiến pháp nước CHXHCNVN

Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự (Điều 9 BLTTDS 2015). Ngoài quyền tự bảo vệ cho mình, các đương sự có quyền nhờ luật sư hay người khác có đủ điều kiện theo quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án có trách nhiệm đảm bảo thực hiện quyền này của đương sự.

Thứ năm, nguyên tắc hòa giải (Điều 10 BLTTDS 2015).

Thứ sáu, nguyên tắc xét xử vụ án dân sự phải có Hội thẩm nhân dân tham gia (điều 11 BLTTDS 2015)

1.2.2.2. Thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thẩm quyền của Tòa án khi giải quyết tranh chấp HĐTD theo quy định của BLTTDS 2004 sửa đổi bổ sụng năm 2011, BLTTDS năm 2015, Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định trong 26 phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTDS đã được sửa đổi bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS. Cụ thể thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết các tranh chấp HĐTD gồm thẩm quyền theo cấp tòa án, thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền theo lãnh thổ, thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

Thẩm quyền theo cấp Tòa án được quy định như sau:

- TAND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là TAND cấp tỉnh) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần uỷ thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Toà án nước ngoài, tức là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng có yếu tố nước ngoài [4, Đ 35]. Trong đó:

+ Tòa Dân sự - TAND cấp tỉnh giải quyết tranh chấp HĐTD nếu tranh chấp này là tranh chấp về HĐDS

+ Tòa Kinh tế - TAND cấp tỉnh giải quyết tranh chấp HĐTD nếu tranh chấp này là tranh chấp KDTM [5, Đ 38].

+Trong trường hợp không xác định được đó là loại tranh chấp nào, có nghĩa là không xác định được tranh chấp đó thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Toà chuyên trách nào thì Chánh án TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phân công cho một Toà chuyên trách giải quyết theo thủ tục chung

- TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là TAND cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ HĐTD mà không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, tức là tranh chấp phát sinh từ HĐTD không có yếu tố nước ngoài. Trong đó đối với TAND cấp huyện có Tòa chuyên trách thì Tòa dân sự - TAND cấp huyện sẽ phụ trách giải quyết tranh chấp HĐTD[6, Đ 36]

Bên cạnh việc quy định thẩm quyền theo vụ việc thì BLTTDS 2015 còn quy định thẩm quyền theo lãnh thổ, theo sự lựa chọn của nguyên đơn để phân chia việc giải quyết án giữa Tòa án các cấp, giữa các Tòa chuyên trách với nhau được tương xứng. Để xác định đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ HĐTD, Tòa án phải xác định cho được yêu cầu của đương sự thuộc nhóm quan hệ tranh chấp KDTM hay tranh chấp về HĐDS, từ đó có sự phân định thẩm quyền giữa Tòa án với nhau.

Tuy nhiên, để xác định vụ án có thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án hay không, trước hết Toà án phải xem xét thoả thuận giải quyết tranh chấp của các bên chọn ban đầu hoặc sau khi xảy ra tranh chấp là TAND hay trọng tài thương mại. Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được. Như vậy, nếu các bên đã có thoả thuận trọng tài hợp lệ thì việc giải quyết tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Toà án.